

TỪ “HỌC ĐẾN CÙNG” ĐẾN “HỌC HỘ”: LẠM DỤNG CHATGPT VÀ HỆ QUẢ HỌC TẬP Ở SINH VIÊN ĐẠI HỌC

HÀ THỊ THU HOÀI
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 04/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

In university settings, ChatGPT and other generative AI tools are increasingly becoming popular resources for supporting student learning. These technologies can help learners quickly grasp concepts, generate ideas for developing written assignments, support practice, and improve expression. However, in a context where assessment is primarily product-based and academic pressure to complete tasks is high, students may also tend to use AI as a substitute for core intellectual activities such as reading comprehension, argument construction, academic writing, and problem-solving. This article proposes an analytical framework that distinguishes between two modes of AI use: “learning with AI,” in which AI supports the learning process, and “learning by proxy,” in which AI replaces a substantial part of that process. The article also identifies and describes several common forms of “learning by proxy” among university students.

Keywords: Academic integrity, academic skills, abuse, ChatGPT, generative AI, learning autonomy.

1. Đặt vấn đề

Đại học khác với các bậc học trước ở chỗ người học không chỉ “tiếp thu” mà phải dần hình thành năng lực học thuật: đọc và xử lý tài liệu, viết học thuật, lập luận dựa trên bằng chứng, giải quyết vấn đề theo logic, và đặc biệt là tự tổ chức việc học. Những năng lực này không đến từ việc “có bài nộp đúng hạn” mà đến từ quá trình người học tự mình trải qua các thao tác trí tuệ: Hiểu - phân tích - lập luận - diễn đạt - phản biện. Vì thế, bất kỳ công cụ nào can thiệp vào các thao tác này đều sẽ tác động trực tiếp tới chất lượng học tập. ChatGPT tạo ra một thay đổi đáng kể: sinh viên (SV) không chỉ dùng AI để tra cứu nhanh mà có thể dùng để tạo dàn ý, viết đoạn văn theo phong cách học thuật, đề xuất luận điểm, thậm chí tạo lời giải bài tập theo bước. Ở góc độ hỗ trợ, AI giúp SV giảm khó khăn ban đầu, nhất là khi đọc tài liệu khó hoặc khi chưa biết bắt đầu từ đâu. Song cũng chính khả năng “làm thay” này khiến ranh giới giữa hỗ trợ học tập và thay thế hoạt động học tập trở nên mờ đi, đặc biệt trong bối cảnh nhiều nhiệm vụ đại học được đánh giá mạnh bằng sản phẩm (bài viết, báo cáo, bài tập nộp). Nếu tiếp cận bằng câu hỏi “cấm hay cho phép”, thảo luận dễ rơi vào tranh luận mang tính quản trị hơn là mang tính sư phạm. Trong khi đó, điều cần thiết là một cách nhìn phân tích: SV đang sử dụng AI theo hướng nào và điều đó tác động ra sao đến năng lực học thuật? Bài viết đề xuất phân biệt hai trạng thái sử dụng là “học cùng” và “học hộ” để tạo khung thảo luận phù hợp với đặc thù của SV đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận: Khi đánh giá ưu tiên sản phẩm, hành vi học tập sẽ ưu tiên tối ưu hóa

Trong giáo dục đại học, đánh giá không chỉ đo kết quả mà còn định hướng cách học. Khi tiêu chí chấm tập trung vào sản phẩm cuối (bài viết mạch lạc, bố cục chuẩn, trình bày đẹp) mà ít yêu cầu minh chứng quá trình (cách tìm nguồn, cách hình thành lập luận, cách kiểm chứng), SV có xu hướng chọn chiến lược giúp đạt sản phẩm nhanh và “đúng chuẩn”. AI tạo sinh, ở điểm này, trở thành công cụ tối ưu hóa mạnh, vì nó tạo sản phẩm có hình thức học thuật trong thời gian ngắn. Bên cạnh đó, từ góc độ tự điều chỉnh học tập, SV cần biết giám sát mức độ hiểu, biết điều chỉnh chiến lược khi gặp khó và biết tự

Email: hathuhoai@gmail.com

đánh giá. AI có thể hỗ trợ tự điều chỉnh nếu được dùng như đối thoại gợi mở nhưng cũng có thể làm suy yếu tự điều chỉnh nếu SV chuyển sang tiếp nhận câu trả lời sẵn có. Khi văn bản do AI tạo ra trôi chảy và thuyết phục, SV dễ rơi vào cảm giác “đã hiểu” mà không kiểm chứng bằng việc tự giải thích lại, tự làm lại hoặc tự vận dụng vào bài tập tương tự. Điều này đặc biệt đáng lưu ý ở đại học, nơi chuẩn đầu ra thường yêu cầu tư duy phản biện, khả năng vận dụng và khả năng giải thích, chứ không chỉ là tái hiện [1, tr. 32]. Cuối cùng, liêm chính học thuật trong đại học là điều kiện để đánh giá có giá trị. Khi việc sử dụng AI diễn ra phổ biến nhưng thiếu chuẩn mực rõ ràng và thiếu thống nhất giữa các học phần, SV dễ hợp thức hóa hành vi. Khi đó, vấn đề không chỉ nằm ở “gian lận” theo nghĩa hẹp mà nằm ở sự xói mòn niềm tin giữa người dạy và người học cùng với nguy cơ làm suy giảm giá trị của đánh giá trong đào tạo đại học.

2.2. Khung phân tích “học cùng” và “học hộ” trong học tập của sinh viên đại học

2.2.1. Định nghĩa “học cùng”, “học hộ”

Trong bối cảnh SV đại học, “học cùng” được hiểu là việc SV sử dụng ChatGPT để hỗ trợ quá trình học nhưng không thay thế vai trò học thuật của chính mình. AI có thể giúp giải thích khái niệm, gợi ý cách tiếp cận, hỗ trợ luyện tập hoặc góp ý diễn đạt nhưng SV vẫn phải tự đọc tài liệu, tự xây dựng luận điểm, tự kiểm chứng thông tin và tự viết lại theo hiểu biết của mình. Ở trạng thái này, AI giống một nguồn hỗ trợ tăng cường, còn quá trình kiến tạo tri thức vẫn thuộc về người học. Ngược lại, “học hộ” là trạng thái mà SV chuyển giao cho AI các thao tác trí tuệ cốt lõi vốn làm nên năng lực đại học: tổ chức lập luận, tổng hợp tài liệu, viết học thuật, giải quyết vấn đề theo logic. Sản phẩm có thể đáp ứng yêu cầu hình thức nhưng quá trình học thật bị rút ngắn. Dấu hiệu quan trọng là SV khó giải thích lại bằng ngôn ngữ của mình hoặc khó vận dụng khi bối cảnh bài toán thay đổi.

2.2.2. Ba tiêu chí phân biệt phù hợp với lớp học đại học

Để áp dụng trong phân tích, có thể dựa vào ba tiêu chí sau: 1) Mức độ thay thế thao tác học thuật: AI hỗ trợ (gợi ý/giải thích) hay AI làm phần trọng yếu (lập luận/lời giải/kết luận)? Ở đại học, phần trọng yếu thường nằm ở lập luận và bằng chứng, không nằm ở câu chữ; 2) Mức độ kiểm chứng: SV có đối chiếu tài liệu, kiểm tra nguồn, kiểm tra logic và sửa theo hiểu biết của mình hay không? Đây là tiêu chí quan trọng vì AI có thể tạo nội dung sai nhưng thuyết phục; 3) Mức độ minh bạch: SV có thể trình bày rõ họ đã sử dụng AI để làm gì trong quá trình học và trong sản phẩm nộp hay không? Minh bạch là điều kiện giúp đánh giá phản ánh đúng năng lực. Các tiêu chí này giúp nhìn hành vi theo mức độ, phù hợp với thực tiễn SV đại học vốn đa dạng về năng lực và áp lực học tập [2, tr. 16].

2.3. Các dạng “học hộ” thường gặp ở sinh viên đại học

Trong môi trường đại học, “học hộ” thường gắn với các nhiệm vụ học thuật cụ thể. *Thứ nhất, AI viết bài/báo cáo gần như hoàn chỉnh.* Đây là dạng dễ gặp trong các bài yêu cầu trình bày khái niệm, tổng quan lý thuyết, nêu vai trò hoặc đề xuất giải pháp chung. Sản phẩm thường có bố cục chuẩn, câu chữ mạch lạc nhưng dễ thiếu minh chứng cụ thể và thiếu lập luận gắn bối cảnh. Khi yêu cầu SV bảo vệ quan điểm, giải thích lựa chọn hoặc liên hệ với dữ liệu thực, hạn chế bộc lộ rõ; *Thứ hai, AI “viết lại” nhằm hợp thức hóa sản phẩm.* Dạng này không nhất thiết sao chép nguyên văn; SV có thể yêu cầu AI diễn đạt lại để giảm dấu vết. Về mặt học thuật, vấn đề nằm ở chỗ SV chuyển trọng tâm từ xây dựng hiểu biết sang tối ưu hóa hình thức nộp bài. Trong bối cảnh đại học, điều này làm suy yếu năng lực viết học thuật như một năng lực tư duy; *Thứ ba, AI lập luận và phản biện thay.* Ở dạng này, SV giao cho AI nhiệm vụ lựa chọn quan điểm, dựng luận cứ và phản biện. Đây là dạng tác động trực tiếp đến tư duy phản biện và năng lực lập luận dựa trên bằng chứng những năng lực cốt lõi của giáo dục đại học. Khi lập luận “đi mượn”, người học khó hình thành chủ kiến và việc học trở thành sự lắp ghép; *Thứ tư, AI giải quyết bài tập theo bước thay.* Đặc biệt trong các học phần định lượng hoặc học phần có quy trình giải quyết vấn đề rõ ràng, AI có thể tạo lời giải mạch lạc. Tuy nhiên, nếu SV chỉ chép lời giải mà không hiểu nguyên lý, năng lực giải quyết vấn đề không phát triển, và hạn chế sẽ bộc lộ khi gặp tình huống mới hoặc khi yêu cầu giải thích logic; *Thứ năm, tiếp nhận nội dung sai lệch do thiếu kiểm chứng.* Dạng này có thể xảy ra cả khi SV không có ý gian lận [3, tr. 42]. Vì AI có thể tạo nội dung “nghe đúng”, SV thiếu nền tảng hoặc thiếu kỹ năng kiểm chứng dễ đưa sai lệch vào bài làm, từ đó ảnh hưởng tới cấu trúc tri thức dài hạn.

2.4. Hệ quả học tập: Nhìn rộng hơn “điểm số”

Một điểm cần nhấn mạnh: hệ quả của “học hộ” không nên đo bằng việc SV “qua môn” hay “được điểm”. Điểm số có thể tăng trong ngắn hạn nhưng giáo dục đại học hướng đến năng lực bền vững. Vì vậy, hệ quả cần được nhìn theo nhiều bình diện. *Thứ nhất, hệ quả nhận thức.* Khi ChatGPT được dùng như công cụ giải thích và luyện tập, nó có thể hỗ trợ hiểu bài nhưng khi chuyển sang “học hộ”, hiểu biết dễ trở nên bề mặt. SV có thể trình bày khái niệm trơn tru nhưng thiếu khả năng giải thích bằng ngôn ngữ của mình, thiếu khả năng nêu điều kiện áp dụng và thiếu khả năng chuyển giao vào tình huống mới. Ở đây, “hệ quả” không nhất thiết biểu hiện ngay; nó thường bộc lộ khi nhiệm vụ yêu cầu vận dụng và phản biện tức những yêu cầu cốt lõi của đại học; *Thứ hai, hệ quả về kỹ năng học thuật.* Viết học thuật không chỉ là câu chữ; nó là tư duy. Nếu AI làm thay phần lập luận, người học mất cơ hội luyện kỹ năng lựa chọn bằng chứng, tổ chức luận cứ và hình thành giọng học thuật của riêng mình. Một hệ quả khác là thực hành trích dẫn và kiểm chứng bị xem nhẹ: khi văn bản có sẵn, người học ít quay về nguồn gốc của tri thức. Đây là sự suy yếu có tính hệ thống, bởi học thuật sống bằng nguồn và bằng chứng; *Thứ ba, hệ quả về tự chủ học tập.* Học đại học thành công đòi hỏi người học có thể tự đặt mục tiêu, tự tổ chức thời gian, tự giám sát hiểu biết và tự điều chỉnh chiến lược. “Học hộ” làm giảm tự hiệu quả: người học quen nhận sản phẩm nhanh, dần mất năng lực chịu đựng khó khăn nhận thức. Khi đó, năng lực tự học chuẩn đầu ra quan trọng nhất bị tổn thương; *Thứ tư, hệ quả về niềm tin đánh giá.* Khi “học hộ” trở thành chiến lược phổ biến, đánh giá bị mất tín hiệu: điểm số phản ánh khả năng tối ưu công cụ hơn là năng lực người học. Môi trường học thuật dễ nảy sinh nghi ngờ và bất công cảm nhận. Người học trung thực có thể chán nản, giảng viên (GV) có thể tăng kiểm soát và quan hệ sư phạm có nguy cơ bị bào mòn. Điều đáng nói là các hệ quả trên liên kết với nhau: phụ thuộc làm giảm tự chủ; tự chủ giảm làm tăng xu hướng “học hộ”; “học hộ” tăng làm suy yếu niềm tin; niềm tin suy yếu làm giảm động lực học thật. Đây là vòng xoáy mà giáo dục cần nhận diện sớm [4, tr. 53].

2.5. Hàm ý đối với tổ chức dạy - học - đánh giá trong môi trường đại học

Bài viết không chủ trương biến lớp học thành nơi truy tìm dấu vết công cụ. Cách tiếp cận bền vững hơn là tổ chức dạy - học - đánh giá sao cho bản chất năng lực được biểu lộ rõ. *Hướng thứ nhất,* tăng minh chứng tư duy. Khi SV phải giải thích lựa chọn, phản biện quan điểm, gắn lập luận với dữ liệu hoặc bối cảnh cụ thể và trình bày quá trình hình thành sản phẩm, “học hộ” khó che giấu. Điều này không nhất thiết làm bài nặng hơn; nó làm bài “đúng chỗ”. Người học buộc phải tham gia bằng năng lực của mình. *Hướng thứ hai,* đưa năng lực hiểu biết và sử dụng AI vào phạm vi năng lực học thuật. Ở đại học, biết đặt câu hỏi, biết kiểm chứng, biết trích dẫn, biết phân tư là kỹ năng nền. Trong bối cảnh AI, các kỹ năng này không mất đi mà trở nên quan trọng hơn. Nếu không có năng lực hiểu biết và sử dụng AI, người học dễ tin văn bản mạch lạc là đúng, dễ nhầm “đọc được” với “hiểu được” và dễ đánh đổi học thật lấy sản phẩm. *Hướng thứ ba,* căn chỉnh đánh giá theo chuẩn đầu ra. Nếu chuẩn đầu ra nhấn mạnh tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, đánh giá cần tạo điều kiện để những năng lực ấy được biểu lộ. Ngược lại, nếu đánh giá chỉ yêu cầu tái hiện kiến thức ở dạng diễn đạt trơn tru, AI sẽ làm thay phần lớn và giáo dục tự đẩy mình vào thế bị động. Những hàm ý này không phải lời khuyên chung chung; chúng là hệ quả logic của việc nhìn đúng bản chất: công cụ có thể thay thế sản phẩm nhưng không thể thay thế năng lực trừ khi ta vô tình để sản phẩm đứng thay cho năng lực trong đánh giá.

2.6. Định hướng sử dụng ChatGPT trong giáo dục đại học

Sự xuất hiện của các hệ thống AI tạo sinh như ChatGPT đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong cách thức dạy và học trong giáo dục đại học. Công nghệ này mang lại nhiều cơ hội để nâng cao hiệu quả học tập, cá nhân hóa trải nghiệm giáo dục và hỗ trợ quá trình nghiên cứu học thuật. Tuy nhiên, sử dụng ChatGPT một cách thiếu kiểm soát có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực, bao gồm sự suy giảm khả năng tư duy độc lập, gia tăng nguy cơ gian lận học thuật và sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Do đó, thay vì tiếp cận ChatGPT theo hướng cấm đoán hoặc sử dụng tự do hoàn toàn, các cơ sở giáo dục cần xây dựng những định hướng sử dụng rõ ràng nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của công nghệ này trong khi vẫn bảo đảm các giá trị cốt lõi của giáo dục đại học.

Thứ nhất, một trong những định hướng quan trọng nhất là xây dựng khung chính sách và quy định rõ

ràng về việc sử dụng AI trong học tập. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều trường đại học vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc SV được phép sử dụng ChatGPT ở mức độ nào trong các hoạt động học thuật. Điều đó dẫn đến sự mơ hồ trong nhận thức của SV về ranh giới giữa việc sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ và hành vi gian lận học thuật. Vì vậy, các trường đại học cần thiết lập các quy định minh bạch liên quan đến việc sử dụng ChatGPT trong viết bài, làm bài tập hoặc thực hiện nghiên cứu. Những quy định này không nên mang tính cấm đoán tuyệt đối mà cần xác định rõ các trường hợp sử dụng được chấp nhận, chẳng hạn như sử dụng AI để gợi ý ý tưởng, giải thích khái niệm hoặc hỗ trợ chỉnh sửa ngôn ngữ, đồng thời yêu cầu SV phải công khai hoặc trích dẫn khi có sự hỗ trợ của AI trong sản phẩm học thuật của mình [5, tr. 39].

Thứ hai, phát triển năng lực hiểu biết và sử dụng AI có trách nhiệm (AI literacy) cho SV. Trong kỷ nguyên số, khả năng tương tác hiệu quả với các hệ thống trí tuệ nhân tạo đang trở thành một kỹ năng quan trọng đối với người học. Tuy nhiên, việc sử dụng ChatGPT một cách hiệu quả đòi hỏi SV phải hiểu rõ cả tiềm năng và hạn chế của công nghệ này. Chẳng hạn, ChatGPT có thể tạo ra thông tin sai lệch hoặc thiếu chính xác do giới hạn trong dữ liệu huấn luyện và khả năng suy luận. Nếu SV không có khả năng đánh giá và kiểm chứng thông tin, họ có thể dễ dàng tiếp nhận các nội dung không chính xác. Do đó, các chương trình đào tạo nên tích hợp nội dung về AI literacy, giúp SV hiểu cách đặt câu hỏi hiệu quả cho AI, cách kiểm chứng thông tin do AI cung cấp và cách sử dụng công cụ này như một phương tiện hỗ trợ tư duy thay vì thay thế hoàn toàn quá trình suy nghĩ.

Thứ ba, đổi mới phương pháp đánh giá trong giáo dục đại học nhằm giảm thiểu khả năng lạm dụng AI. Trong mô hình giáo dục truyền thống, nhiều hình thức đánh giá chủ yếu tập trung vào sản phẩm cuối cùng, chẳng hạn như bài tiểu luận hoặc báo cáo viết. Điều này tạo điều kiện để SV sử dụng ChatGPT nhằm tạo ra toàn bộ nội dung mà không thực sự tham gia vào quá trình tư duy. Vì vậy, các cơ sở giáo dục cần thiết kế những phương pháp đánh giá mới nhấn mạnh vào quá trình học tập, sự tham gia của SV và khả năng tư duy độc lập. Ví dụ, các hình thức đánh giá như thuyết trình, thảo luận nhóm, phản biện trực tiếp, nhật ký học tập hoặc các bài tập mang tính cá nhân hóa có thể giúp GV đánh giá rõ hơn mức độ hiểu biết thực sự của SV. Khi quá trình học tập được đặt ở trung tâm của việc đánh giá, vai trò của ChatGPT sẽ chuyển từ công cụ “làm hộ” sang công cụ hỗ trợ trong quá trình chuẩn bị và phát triển ý tưởng [6, tr. 46].

Thứ tư, việc tái thiết kế hoạt động giảng dạy nhằm tích hợp ChatGPT như một công cụ học tập tích cực cũng là một hướng đi quan trọng. Thay vì xem ChatGPT như một mối đe dọa đối với tính trung thực học thuật, GV có thể khai thác công cụ này để thúc đẩy các hoạt động học tập mang tính phản biện và sáng tạo. Ví dụ, GV có thể yêu cầu SV phân tích và đánh giá câu trả lời của ChatGPT, so sánh nội dung do AI tạo ra với các nguồn học thuật đáng tin cậy hoặc cải thiện các đoạn văn do AI tạo ra để đạt tiêu chuẩn học thuật cao hơn. Những hoạt động này không chỉ giúp SV hiểu rõ cách thức hoạt động của AI mà còn khuyến khích họ phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá và chỉnh sửa thông tin. Trong trường hợp này, ChatGPT trở thành một đối tượng học tập và một công cụ hỗ trợ quá trình tư duy, thay vì một phương tiện để né tránh việc học.

Thứ năm, giáo dục đại học cần tăng cường vai trò của GV trong việc hướng dẫn và giám sát việc sử dụng AI của SV. Trong môi trường học tập có sự hỗ trợ của công nghệ, GV không chỉ đóng vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là người định hướng cách sử dụng các công cụ một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Điều này đòi hỏi GV phải được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu rõ cách thức hoạt động của các hệ thống AI như ChatGPT. Khi GV có hiểu biết đầy đủ về công nghệ, họ sẽ có khả năng thiết kế các hoạt động học tập phù hợp, nhận diện những dấu hiệu lạm dụng AI và hướng dẫn SV sử dụng công cụ này theo hướng hỗ trợ quá trình học tập. Do đó, các trường đại học cần tổ chức các chương trình đào tạo hoặc hội thảo dành cho GV nhằm nâng cao năng lực sử dụng AI trong giảng dạy [7, tr. 28].

Thứ sáu, xây dựng văn hóa trung thực học thuật trong môi trường đại học. Công nghệ AI có thể tạo ra nhiều thách thức mới đối với vấn đề gian lận học thuật nhưng bản chất của vấn đề vẫn nằm ở nhận thức và thái độ của người học đối với việc học tập. Nếu SV xem việc học chỉ là quá trình hoàn thành nhiệm vụ để đạt điểm số, họ có xu hướng sử dụng mọi công cụ có sẵn để đạt được mục tiêu đó, bao gồm cả việc lạm dụng AI. Ngược lại, nếu SV nhận thức rằng mục tiêu của giáo dục đại học là phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề, họ sẽ có động lực sử dụng ChatGPT như một công cụ

hỗ trợ thay vì một phương tiện thay thế quá trình học tập. Vì vậy, các trường đại học cần chú trọng xây dựng môi trường học tập để cao giá trị trung thực, trách nhiệm và sự tự chủ trong học tập.

Thứ bảy, việc khuyến khích SV sử dụng ChatGPT như một công cụ hỗ trợ nghiên cứu và sáng tạo cũng là một hướng tiếp cận tích cực. ChatGPT có thể giúp SV tìm kiếm ý tưởng nghiên cứu, gợi ý cấu trúc bài viết, tóm tắt tài liệu hoặc hỗ trợ giải thích các khái niệm phức tạp. Khi được sử dụng đúng cách, công cụ này có thể giúp SV tiết kiệm thời gian trong các bước chuẩn bị và tập trung nhiều hơn vào việc phân tích, đánh giá và phát triển ý tưởng. Tuy nhiên, để đạt được điều này, SV cần được hướng dẫn rõ ràng về cách kết hợp giữa khả năng của AI và năng lực tư duy của bản thân. Việc coi ChatGPT như một “đối tác tư duy” thay vì một “người làm thay” sẽ giúp SV khai thác tối đa lợi ích của công nghệ mà vẫn duy trì vai trò chủ động trong quá trình học tập. Cùng với đó, giáo dục đại học cần xem việc tích hợp ChatGPT không chỉ là một vấn đề công nghệ mà còn là một quá trình chuyển đổi trong triết lý giáo dục. Sự phát triển của AI đặt ra câu hỏi về vai trò của con người trong quá trình sản xuất tri thức và về những năng lực mà giáo dục cần phát triển cho SV trong tương lai. Trong bối cảnh AI có thể thực hiện nhiều nhiệm vụ mang tính lặp lại hoặc xử lý thông tin, giáo dục đại học cần tập trung nhiều hơn vào việc phát triển các năng lực mà máy móc khó thay thế, chẳng hạn như tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng hợp tác và đạo đức nghề nghiệp. Khi đó, ChatGPT không còn được xem là mối đe dọa đối với giáo dục mà trở thành một công cụ hỗ trợ giúp con người tập trung vào những khía cạnh sâu sắc và sáng tạo hơn của tri thức.

3. Kết luận

Sự phát triển của AI tạo sinh đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong môi trường giáo dục đại học, đặc biệt trong cách SV tiếp cận tri thức và thực hiện các nhiệm vụ học tập. ChatGPT, với khả năng tạo văn bản, giải thích khái niệm và hỗ trợ nghiên cứu đã nhanh chóng trở thành một công cụ học tập phổ biến. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ ra rằng bên cạnh những lợi ích rõ rệt, việc lạm dụng ChatGPT đang dẫn đến một xu hướng đáng lo ngại: sự chuyển đổi từ mô hình “học cùng AI” sang “học hộ bởi AI”. Khi ChatGPT được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, nó có thể góp phần nâng cao hiệu quả học tập thông qua việc cung cấp thông tin nhanh chóng, gợi ý cấu trúc tư duy và hỗ trợ SV trong quá trình viết học thuật. Trong trường hợp này, AI đóng vai trò như một trợ lý học tập thông minh, giúp SV mở rộng hiểu biết và phát triển năng lực tự học. Tuy nhiên, khi SV sử dụng ChatGPT để thay thế hoàn toàn quá trình suy nghĩ, phân tích và sáng tạo, công cụ này có thể làm suy giảm các năng lực cốt lõi mà giáo dục đại học hướng tới phát triển. Kết quả phân tích cho thấy việc phụ thuộc quá mức vào ChatGPT có thể dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực. Thứ nhất, SV có nguy cơ suy giảm khả năng tư duy phản biện, do họ ít tham gia vào quá trình phân tích và đánh giá thông tin. Thứ hai, việc để AI thực hiện thay các nhiệm vụ viết học thuật có thể làm giảm cơ hội rèn luyện kỹ năng viết và diễn đạt học thuật, vốn là những năng lực quan trọng trong môi trường học thuật và nghề nghiệp. Thứ ba, việc sử dụng ChatGPT mà không minh bạch hoặc không trích dẫn phù hợp có thể làm gia tăng nguy cơ vi phạm đạo đức và gian lận học thuật, từ đó ảnh hưởng đến tính trung thực của hệ thống giáo dục. Cuối cùng, sự phụ thuộc công nghệ quá mức có thể làm suy giảm tính tự chủ và khả năng giải quyết vấn đề độc lập của SV. Trước những thách thức này, việc cấm hoàn toàn ChatGPT trong giáo dục đại học không phải là giải pháp tối ưu, bởi AI tạo sinh đã và sẽ tiếp tục trở thành một phần của môi trường tri thức số. Thay vào đó, các cơ sở giáo dục cần phát triển các chiến lược tích hợp AI có trách nhiệm vào quá trình dạy và học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for Quality Learning at University* (4th ed.). Open University Press.
- [2] Braun, V., & Clarke, V. (2006). *Using thematic analysis in psychology*. *Qualitative Research in Psychology*.
- [3] Creswell, J. W., & Poth, C. N. (2018). *Qualitative Inquiry & Research Design: Choosing Among Five Approaches* (4th ed.). SAGE.
- [4] Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). *The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior*. *Psychological Inquiry*.
- [5] McCabe, D. L., Treviño, L. K., & Butterfield, K. D. (2001). *Cheating in academic institutions: A decade of research*. *Ethics & Behavior*.
- [6] Patton, M. Q. (2015). *Qualitative Research & Evaluation Methods* (4th ed.). SAGE.
- [7] Zimmerman, B. J. (2002). *Becoming a self-regulated learner: An overview*. *Theory Into Practice*.